

Số: ~~6771~~ /CT- BNN-KH

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2014

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 22/CT-TTg và số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ thị Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 với các nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM 2016-2020

I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM 2016-2020

Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển ngành giai đoạn 2011-2015, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực liên quan đến nông nghiệp, nông thôn; từ đó xác định mục tiêu, định hướng phát triển của kế hoạch 5 năm 2016-2020. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020 gồm :

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2011-2015

a) Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành, tiểu ngành, lĩnh vực giai đoạn 2011-2015; trong đó, làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu và các định hướng phát triển đã đề ra, các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch.

b) Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách lớn trong tái cơ cấu kinh tế. Tập trung đánh giá kết quả xây dựng hệ thống pháp lý, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, và các

đề án tái cơ cấu tiểu ngành, lĩnh vực, các kế hoạch chuyên đề; quá trình triển khai và kết quả thực hiện tái cơ cấu trong nội bộ ngành, lĩnh vực và ở địa phương; cần nêu bật được các chủ trương định hướng, chương trình kế hoạch tái cơ cấu, những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tới.

c) Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Trong đó, cần làm rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt cần phân tích sâu các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân khách quan và chủ quan trong quá trình thực hiện.

d) Tình hình và kết quả sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động của ngành, lĩnh vực, đơn vị; phân tích diễn biến và những vấn đề phát sinh tác động đến kết quả trên.

đ) Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư, bao gồm: vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài và vốn huy động từ các thành phần kinh tế khác.

e) Đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ, nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn; quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

f) Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, các nhiệm vụ về phát triển nông thôn, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.

g) Đánh giá về thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; các kết quả về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

h) Đánh giá về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016 - 2020

Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016 - 2020 xây dựng trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực đang có dấu hiệu phục hồi đã tăng trưởng sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng tốc độ còn chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức; đặc biệt diễn biến ở biển Đông sẽ có tác động trực tiếp đến phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp còn chịu tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, kèm theo thiên tai khó lường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục diễn biến phức tạp.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức giai đoạn 2016-2020, nông nghiệp nước ta cũng có nhiều thuận lợi khi thể và lực của đất nước sau gần 30 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều; quy mô và tiềm lực kinh tế của đất nước được nâng cao hơn trước; Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ tiếp tục dành sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho ngành; các giải pháp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp đang được triển khai quyết liệt, tăng trưởng ngành đã phục hồi trong năm 2014, tạo đà cho những năm tiếp theo và giai đoạn 5 năm tới.

2.1. Mục tiêu của Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016 - 2020

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn giá trị gia tăng cao, trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, phát huy các lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn nước, lao động và nguồn vốn; xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ngành, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành bình quân từ 3,5- 4,0%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản 4,0% - 4,5/năm trong giai đoạn 2016 - 2020;

- Nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho cư dân nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài, góp phần giảm tỷ lệ đói nghèo. Đến năm 2020, thu nhập hộ gia đình nông thôn tăng lên 2,5 lần so với năm 2008; số xã đạt tiêu chí nông thôn mới là 50%, tỷ lệ dân nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt trên 95% vào năm 2020.

- Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính và các tác động tiêu cực khác đối với môi trường, khai thác tốt các lợi ích về môi trường, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, chủ động phòng chống thiên tai, nâng tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc lên 45% năm 2020, góp phần thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia.

2.2. Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu

- a) Thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, Đề án tái cơ cấu của từng lĩnh vực

vực và kế hoạch triển khai cụ thể đã được phê duyệt; lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên, lộ trình thực hiện các nhiệm vụ để tạo chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn.

b) **Đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nhằm đạt được mục tiêu đến năm 2020, cả nước có 50% xã tiêu chí nông thôn mới. Trên cơ sở quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới đã được duyệt, các địa phương bố trí nguồn lực thực hiện các nội dung ưu tiên.

2.3. Các giải pháp chính

a) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn: Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy sản xuất, khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, hội nhập và hợp tác quốc tế, khuyến khích đầu tư tư nhân và phát triển các hình thức liên kết, hợp tác đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) **Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ**

Phát triển khoa học công nghệ phải là khâu then chốt để tạo đột phá trong tái cơ cấu; tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; tăng cường chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên cho công nghệ cao vào sản xuất và quản lý ngành; nghiên cứu, chọn tạo và tổ chức sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm cao.

c) **Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực của ngành đáp ứng nhu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế**

Phát triển nhanh nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động nông thôn; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đào tạo theo Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014-2020” (Quyết định số 1323/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/6/2014). Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân; triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

d) **Kiến tạo và đổi mới tổ chức sản xuất**

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp đổi mới nông lâm trường quốc doanh theo Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị; tiếp tục khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, gia trại, trang trại, doanh nghiệp tư nhân. Xây dựng các mô hình liên kết, quy mô lớn theo chuỗi giá trị giữa nông dân, doanh nghiệp và các đối tác kinh tế

khác; các mô hình HTX, tổ hợp tác chuyên ngành phù hợp với cây con, ngành nghề (thủy lợi, nghề cá...).

d) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đa mục tiêu

Tập trung đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm ngư nghiệp; ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ các lĩnh vực sản xuất có lợi thế phục vụ tái cơ cấu ngành; tiếp tục đầu tư hệ thống thủy lợi, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện đổi mới cơ cấu và cơ chế đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư công phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1440/QĐ-BNN-KH ngày 27/6/2014 của Bộ.

e) Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP và xây dựng lực lượng, tăng cường năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm để tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho xuất khẩu và tiêu thụ hàng nông sản; giải quyết tốt hơn những bức xúc của xã hội về vấn đề an toàn thực phẩm, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng.

f) Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo.

Thực hiện kế hoạch hành động của Chính phủ (Nghị quyết 49/NQ-CP ngày 10/7/2014) tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 5/2/2007 của Hội nghị BCH Trung ương về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững sau khi gia nhập WTO, các chủ trương, chính sách đối ngoại và chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài, các kế hoạch Chương trình hành động của Bộ về hội nhập quốc tế.

g) Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

h) Tăng cường kết hợp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn với góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2016-2020

1. Những yêu cầu trong tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015

a) Việc đánh giá Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2011 - 2015 cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển về nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, các Nghị quyết của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2011-2015, hàng năm và các chương trình, kế hoạch hành động của Bộ, ngành và đơn vị.

b) Việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 phải huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức, các đoàn thể, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, bảo đảm tính khách quan, trung thực, đúng thực tiễn.

2. Những yêu cầu trong xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020.

a) Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016 - 2020 của cả nước phải xây dựng bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 của cả nước; phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của cả nước, chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển ngành.

b) Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của các tiểu ngành, lĩnh vực, đơn vị và các địa phương phải phù hợp với kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm của cả nước, các quy hoạch phát triển, các chương trình, đề án đã được các cấp phê duyệt; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm và trình độ phát triển cụ thể của mỗi ngành, lĩnh vực, đơn vị và địa phương.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách trong Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm tính khả thi; sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên và giải pháp phù hợp.

d) Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển 5 năm 2016 - 2020, các đơn vị, địa phương cần bám sát hướng dẫn và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan nghiên cứu, các đoàn thể, các hiệp hội sản xuất và tiêu dùng, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong, ngoài nước.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

Căn cứ vào các nghị quyết của Đảng, Quốc hội về mục tiêu, định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2011-2015, kế hoạch đầu

tư phát triển các năm 2011-2015, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành; trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015; các đơn vị thuộc Bộ, các chủ đầu tư, các sở Nông nghiệp và PTNT (sau đây gọi tắt là các đơn vị) đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 của đơn vị quản lý phân theo từng nguồn vốn cụ thể, bao gồm: kế hoạch đầu tư nguồn NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 so với kế hoạch đã đề ra, trong đó làm rõ các kết quả đạt được, các hạn chế của việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015.

2. Tình hình phân bổ và triển khai thực hiện kế hoạch các nguồn vốn đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án so với kế hoạch được duyệt, bao gồm: Tình hình phân bổ, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm; tình hình triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản vốn ứng trước, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản,...; số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công;...

3. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án sử dụng các nguồn vốn khác nhau trong giai đoạn 2011-2015.

4. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định về quản lý đầu tư công trong giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trước và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Các kết quả đầu tư công đã đạt được, như: năng lực tăng thêm trong các ngành, lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực... của các chương trình, dự án; kết quả cải thiện chất lượng dịch vụ công (Khuyến nông, Thú y, Bảo vệ thực vật; Quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ rừng...); tác động của đầu tư công tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành, lĩnh vực, đơn vị và địa phương; việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011-2015 đã hoàn thành.

6. Các khó khăn, vướng mắc, hạn chế và yếu kém trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư; phân tích sâu các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

7. Các nhiệm vụ đầu tư công còn lại và kiến nghị giải pháp, cơ chế chính sách từ nay đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

Các đơn vị lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo đúng các căn cứ, nguyên tắc quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và của Bộ Nông nghiệp và PTNT, cụ thể như sau:

1. Căn cứ và nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 (bao gồm kế hoạch các năm 2011, 2012, 2013, ước thực hiện 2014 và dự kiến kế hoạch 2015) theo từng nguồn vốn, từng chương trình, dự án.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của ngành giai đoạn 2011-2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của cả nước, ngành, lĩnh vực, đơn vị và địa phương;

c) Định hướng và mục tiêu ưu tiên đầu tư công phục vụ tái cơ cấu ngành và Kế hoạch đổi mới cơ cấu và cơ chế đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư công phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới đã được tại Quyết định số 1440/QĐ-BNN-KH ngày 27/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

d) Các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm cụ thể đã được phê duyệt.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn của ngành, lĩnh vực, đơn vị và địa phương.

e) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch giai đoạn 2016-2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

f) Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước, thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2014 và dự kiến dự phòng khoảng 15% để xử lý các biến động do trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp và các vấn đề phát sinh.

g) Dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 cho Bộ, ngành như sau:

- Vốn đầu tư từ NSNN: Vốn đầu tư từ NSNN của Bộ và vốn bổ sung có mục tiêu (chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu,...) tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: cân đối trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung cho giai đoạn 2014-2016.

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài căn cứ vào các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng

giải ngân các nguồn vốn của các nhà tài trợ trong giai đoạn 2016-2020 xây dựng kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này.

2. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011-2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2016-2020

a) Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công

Các đơn vị tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn; chia ra nhóm các dự án:

- Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015, nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020;

- Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

b) Rà soát danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2015) nhưng chưa được bố trí vốn

Các đơn vị tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án khởi công mới theo từng nguồn vốn đầu tư công, gồm:

- Dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư.

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016-2020 để thực hiện.

- Dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án này, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Danh mục các dự án khởi công mới chưa phê duyệt quyết định đầu tư dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020: Các đơn vị chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, điều kiện để tổ chức lập, thẩm định gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại mục 1, Chương II của Luật Đầu tư công.

2. Xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014

a) Các đơn vị rà soát báo cáo tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư công do đơn vị quản lý theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31/12/2014.

b) Các đơn vị đề phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01/01/2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

3. Lập danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cho các dự án đầu tư công

a) Trên cơ sở các căn cứ, nguyên tắc, định hướng và nhu cầu đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020; kết quả rà soát danh mục các dự án đầu tư công giai đoạn 2011-2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2016-2020; các đơn vị lựa chọn danh mục và đề xuất bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014, nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015, nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

- + Sau khi đã xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014;

- + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo đúng quy định tại Chương II Luật Đầu tư công và phải hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và của Chính phủ.

- + Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

b) Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 sử dụng vốn NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, cần rà soát phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác: Các đơn vị tiến hành rà soát, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang đầu tư theo hình thức hợp tác công tư hoặc các hình thức đầu tư khác

- Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác: Các đơn vị đề xuất phương án huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- Các dự án đầu tư thật sự không hiệu quả thì không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011-2015

Các đơn vị được Bộ giao thường trực quản lý chương trình, các địa phương thực hiện Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT, Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình thực hiện Chương trình 3 năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014, dự kiến năm 2015 và ước thực hiện giai đoạn 2011-2015.

2. Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2014, dự kiến năm 2015 và cả giai đoạn 2011-2015; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn năm 2011-2014 và dự kiến năm 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015.

4. Các kết quả đạt được so với mục tiêu; những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế; làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

5. Các giải pháp, chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015 nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình.

II. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016-2020

a) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia:

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2016-2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Bộ giao Văn phòng điều phối Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương khẩn trương xây dựng các mục tiêu của chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.

b) Đối với các chương trình mục tiêu

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo giảm tối đa số lượng chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016-2020 theo hướng lồng ghép các chương trình có cùng mục tiêu, nhiệm vụ; trong từng ngành, lĩnh vực (nếu cần thiết có chương trình mục tiêu) chỉ đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt không quá 2 chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020. Bộ dự kiến đề xuất và phân công chuẩn bị như sau:

- Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Chương trình mục tiêu về bảo vệ và phát triển rừng.

- Tổng cục Thủy sản chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Chương trình mục tiêu về phát triển thủy sản bền vững.

2. Xử lý đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015 không tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2016-2020

a) Từ nay đến hết năm 2015, đề nghị các đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không mở thêm các dự án đầu tư mới, trừ các dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA (thuộc Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT).

Trường hợp một số ít dự án dở dang do lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, đề nghị bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN và các nguồn vốn khác giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục quan trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

b) Các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyển sang nhiệm vụ thường xuyên và bố trí trong ngân sách của các bộ, ngành trung ương và ngân sách trong cân đối của địa phương để thực hiện.

D. TIẾN ĐỘ VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

1. Vụ Kế hoạch

a) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng Kế hoạch phát triển và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trong tháng 8 năm 2014.

b) Tổng hợp và xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020 trình Bộ trưởng duyệt để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.

c) Tổng hợp Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 do Bộ quản lý trình Bộ trưởng xem xét gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan (trong thời gian từ ngày 01 tháng 02

đến ngày 30/4/2015) thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư trung hạn các nguồn vốn đầu tư do Bộ quản lý.

đ) Hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; báo cáo Bộ xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

2. Các Tổng cục, Cục, Vụ và Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020 thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Kế hoạch) trước ngày 31/10/2014.

b) Lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 và xây dựng kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 thuộc lĩnh vực quản lý và của đơn vị gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Kế hoạch) trước ngày 31/10/2014.

c) Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ cần thiết ngay trong năm 2014 đối với các dự án đề nghị khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020, để thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại mục 1, Chương II của Luật Đầu tư công.

3. Các Viện, Trường, Trung tâm, Doanh nghiệp thuộc Bộ, Ban quản lý dự án và các đơn vị khác

Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020 của đơn vị; báo cáo đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có, tình hình đầu tư công giai đoạn 2011-2015 và đề xuất nhu cầu đầu tư công 5 năm 2016-2020 các chương trình, dự án, gửi về Bộ trước ngày 31/10/2014.

II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đối với Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và Chương trình Nước sạch và VSMTNT; các chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Tổng cục Thủy lợi, Văn phòng điều phối Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và các cơ quan, đơn vị được Bộ giao chủ trì, quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

2. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu mới giai đoạn 2016-2020 sử dụng vốn ngân sách

Văn phòng điều phối Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, các bộ, ngành và địa phương khẩn trương xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình để Bộ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

Việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành trong các tháng cuối năm, Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tập trung xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 với chất lượng cao nhất, gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch) theo đường văn bản và theo thư điện tử: kh@mard.gov.vn theo đúng thời gian quy định để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan. Các hướng dẫn xây dựng kế hoạch và biểu mẫu kèm theo đăng tại trang Website của Vụ Kế hoạch: <http://vukehoach.mard.gov.vn>

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các đơn vị và các Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Vụ Kế hoạch để xử lý, hướng dẫn bảo đảm thực hiện theo tinh thần Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng, các Thủ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở NN và PTNT;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KH. (220)


Cao Đức Phát